

Bộ đề thi học kì 1 môn Hóa học lớp 8 năm 2019 - 2020

ĐỀ SỐ 1

MA TRẬN ĐỀ

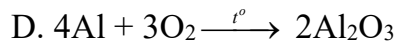
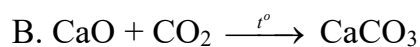
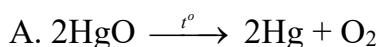
Kiến thức, kỹ năng cơ bản cụ thể	Mức độ kiến thức, kỹ năng								Tổng
	Biết		Hiểu		Vận dụng				
					Mức độ thấp		Mức độ cao		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Oxi	Câu 6: 0,5đ		Câu 4: 0,5đ	Câu 9 2đ	Câu 2 0,5đ				4 câu 3,5đ
2. Oxit		Câu 7 1đ	Câu 5: 0,5đ						2 câu 1,5đ
3. Phản ứng phân hủy- Phản ứng hóa hợp.	Câu 1 0,5đ					Câu 10.a 2đ		Câu 10.b 1đ	2 câu 3,5đ
4. Không khí- Sự cháy	Câu 3: 0,5đ					Câu 8 1đ			2 câu 1,5đ
-Tổng số câu -Tổng số điểm	3 câu (1,5đ)	1câu (1đ)	2 câu (1đ)	1câu (2đ)	1câu (0,5đ)	1,5câu (3đ)		0,5câu (1đ)	

ĐỀ BÀI

Phần I- Trắc nghiệm khách quan: (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào một trong các chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Phản ứng nào sau đây thuộc loại phản ứng hóa hợp:



Câu 2: Đốt cháy hoàn toàn 2,4g magie trong không khí, khối lượng magie oxit thu được là:

A. 5g.

B. 4g.

C. 2g.

D. 8g.

Câu 3: Thành phần theo thể tích của không khí gồm :

- A. 21% N₂, 78% O₂ , 1% các khí khác C. 21% O₂ , 78% N₂ ; 1% các khí khác
B. 21% các khí khác, 78% N₂ , 1% O₂ D. 21% O₂ , 78% các khí khác, 1% N₂

Câu 4: Hiện tượng xảy ra khi nhốt con dê trong lọ đầy kín.

- A. Con dê chết vì thiếu Oxi.
B. Con dê vẫn sống bình thường.
C. Con dê chết vì thiếu nước.

Câu 5: Khí nào sau đây trong không khí gây nên hiệu ứng nhà kính:

- A. Khí H₂ B. Khí Oxi. C. Khí CO₂ D. Khí N₂.

Câu 6: Nguyên liệu để điều chế Oxi trong phòng thí nghiệm là:

- A. Na₂SO₄ B. H₂O C. MnO₂ D. KMnO₄

PHẦN II – TỰ LUẬN (7điểm)

Câu 7: (1 điểm)

Đọc tên và phân loại các oxit sau: P₂O₅, Fe₂O₃, SO₂, Na₂O

Câu 8: (1 điểm)

Để dập tắt ngọn lửa do xăng dầu cháy, người ta thường trùm vải dày lên ngọn lửa mà không dùng nước ? Giải thích vì sao ?

Câu 9: (2 điểm) Viết phương trình hóa học biểu diễn sự cháy của các chất: Cacbon, photpho, etilen(C₂H₄), nhôm trong khí oxi.

Câu 10: (3 điểm) Đốt cháy hoàn toàn 5,4g bột nhôm cần V(l) khí oxi ở (đktc).

- a. Viết PTHH và tính V.
b. Tính khối lượng kali pemanganat cần dùng để điều chế lượng oxi đủ cho phản ứng trên, biết rằng thực tế đã dùng dư KMnO₄ 10% so với lý thuyết.

(Cho Al = 27; O = 16; K = 39; Mn = 55)

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (3điểm).

Câu	Câu1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
-----	------	-------	-------	-------	-------	-------

Đáp án	D	B	C	A	C	D
--------	---	---	---	---	---	---

II. PHẢN TỰ LUẬN (7đ)

CÂU	Ý	NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1		- HS phân loại đúng mỗi oxit được 0,25 điểm	0,5
		- HS gọi tên đúng mỗi oxit được 0,25 điểm	0,5
Câu 2		- HS giải thích được dùng vải dày để dập tắt đám cháy do xăng dầu vì để ngăn không cho chất cháy tiếp xúc với oxi trong không khí.	0,5
		- HS giải thích không dùng nước vì xăng dầu không tan trong nước và nhẹ hơn nước nên sẽ nổi lên và làm đám cháy lan rộng hơn.	0,5
Câu 3		HS viết đúng mỗi phương trình phản ứng được 0.5 điểm. Viết sai một công thức của phương trình thì không cho điểm. Không cân bằng thì chỉ cho 0,25 điểm phương trình đó	2
Câu 4		a. PTHH:	0, 5
		$4Al + 3O_2 \xrightarrow{t^{\circ}} 2Al_2O_3$	
		Tính được : $n_{Al} = 0,2 \text{ mol}$	0,25
		Theo PTHH tính được : $n_{O_2} = 0,15 \text{ mol}$	0,25
		Tính được: $V_{O_2} = 0,15.22,4 = 3,36 \text{ l}$	0,5
		b. $2KMnO_4 \xrightarrow{t^{\circ}} K_2MnO_4 + MnO_2 + O_2$	0,5
	Theo PTHH tính được: $n_{KMnO_4} = 0,3 \text{ mol}$	0,25	
	$m_{KMnO_{4LT}} = 0,3.158 = 47,4 \text{ g}$	0,25	
	$m_{KMnO_{4TT}} = (47,4.110): 100 = 52,14 \text{ g}$	0,5	

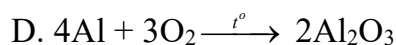
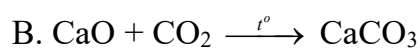
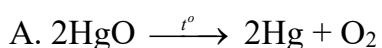
ĐỀ SỐ 2**MA TRẬN ĐỀ**

Kiến thức, kỹ năng cơ bản cụ thể	Mức độ kiến thức, kỹ năng								Tổng
	Biết		Hiểu		Vận dụng				
					Mức độ thấp		Mức độ cao		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Oxi	Câu 6 0,5đ			Câu 9 2đ		Câu 10.a,8 1,5đ, 1đ		Câu 10.b 1,5đ	5 câu 6,5đ
2. Oxit	Câu 2 0,5		Câu 5 0,5đ	Câu 7 1đ					3 câu 2đ
3. Phản ứng phân hủy- Phản ứng hóa hợp.	Câu 1 0,5đ								1 câu 0,5đ
4. Không khí- Sự cháy	Câu 3: 0,5đ		Câu 4 0,5						2 câu 1đ
-Tổng số câu -Tổng số điểm	4 câu (2đ)		2 câu (1đ)	1 câu (3đ)		1,5câu (2,5đ)		0,5câu (1,5đ)	10 câu 10 đ

ĐỀ BÀI**Phần I- Trắc nghiệm khách quan: (3 điểm)**

Hãy khoanh tròn vào một trong các chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Phản ứng nào sau đây thuộc loại phản ứng phân hủy:



Câu 2: Dãy chất nào sau đây gồm toàn công thức hoá học của oxit:



C. MgO, SiO₂, P₂O₅

D. HgO, Ca(OH)₂, HCl.

Câu 3: Thành phần theo thể tích của không khí gồm :

A. 21% O₂, 78% N₂ , 1% các khí khác C. 21% CO₂ , 78% O₂ ; 1% N₂.

B. 21% các khí khác, 78% N₂ , 1% O₂ D. 21% O₂ , 78% các khí khác, 1% N₂

Câu 4: Sau khi làm thí nghiệm, để tắt đèn cồn người ta làm như sau:

A. Thổi mạnh. B. Nhúng bấc đèn vào nước.

C. Đậy nắp đèn lại. D. Nhúng bấc đèn vào nước vôi trong.

Câu 5: Sắt (III) oxit là tên gọi của chất có công thức hoá học nào sau đây:

A. FeO

B. Fe₃O₄.

C. FeSO₄ .

D. Fe₂O₃.

Câu 6: Nguyên liệu để điều chế Oxi trong phòng thí nghiệm là:

A. CaCO₃

B. KMnO₄

C. MnO₂

D. H₂O

PHẦN II – TỰ LUẬN (7điểm)

Câu 7: (1 điểm) Đọc tên và phân loại các oxit sau: N₂O₅, FeO, SO₃, Al₂O₃.

Câu 8: (1 điểm)

Bạn Duy nhốt một con đế mèn vào một chiếc lọ thủy tinh nhỏ, bỏ thức ăn vào và đậy thật kín miệng lọ lại. Con đế mèn của bạn sẽ như thế nào? Em giải thích quả đó ?

Câu 9: (2 điểm) Viết phương trình hóa học biểu diễn sự cháy của các chất: nhôm, photpho, metan(CH₄), lưu huỳnh trong khí oxi.

Câu 10: (3 điểm)

Đốt cháy hoàn toàn 4,48 lít khí axetilen cần V(l) khí oxi ở (đktc).

a. Viết PTHH và tính V.

b. Cần phân huỷ bao nhiêu gam KClO₃ để điều chế lượng oxi đủ cho phản ứng trên, biết rằng thực tế đã dùng dư KClO₃ 10% so với lý thuyết.

(Cho Al = 27; O = 16; K = 39; Mn = 55)

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (3điểm).

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
Đáp án	A	C	A	C	D	B

II. PHẢN TỰ LUẬN (7đ)

CÂU	Ý	NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1		- HS phân loại đúng mỗi oxit được 0,25 điểm	0,5
		- HS gọi tên đúng mỗi oxit được 0,25 điểm	0,5
Câu 2		- HS nêu được kết quả con đê mèn sẽ chết	0,5
		- HS giải thích vì sau vài ngày khí oxi trong lọ sẽ hết	0,5
Câu 3		HS viết đúng mỗi phương trình phản ứng được 0.5 điểm. Viết sai một công thức của phương trình thì không cho điểm. Không cân bằng thì chỉ cho 0,25 điểm phương trình đó	2
Câu 4		a. PTHH:	0,5
		$2C_2H_2 + 5O_2 \xrightarrow{t^\circ} 4CO_2 + 2H_2O$	
		Tính được : $n_{C_2H_2} = 0,2 \text{ mol}$	0,25
		Theo PTHH tính được : $n_{O_2} = 0,5 \text{ mol}$	0,25
		Tính được: $V_{O_2} = 0,5.22,4 = 11,2 \text{ l}$	0,5
		b. $2KClO_3 \xrightarrow{t^\circ} 2KCl + 3O_2$	0,5
	Theo PTHH tính được: $n_{KClO_3} = 0,33 \text{ mol}$	0,25	
	$m_{KClO_{3LT}} = 0,33.122,5 = 40,425 \text{ g}$		
	$m_{KClO_{3TT}} = (47,4.110): 100 = 40,82925 \text{ g}$	0,25	
		0,5	

ĐỀ SỐ 3

SỞ GD & ĐT

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I LỚP 8

TRƯỜNG THPT

MÔN: Hóa học**Năm học 2019 - 2020**

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4 điểm) *Đọc các câu sau và ghi chữ cái đứng trước vào câu trả lời đúng nhất vào bảng sau.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TL																

Câu 1: Số mol phân tử N₂ có trong 280g Nitơ là:

- A. 28 mol B. 10 mol C. 11 mol D. 12 mol

Câu 2: Cho sơ đồ phản ứng sau: Al + CuO --> Al₂O₃ + Cu . Phương trình cân bằng đúng là:

- A. 2Al + 3CuO → Al₂O₃ + 3Cu B. 2Al + 2CuO → Al₂O₃ + 3Cu
 C. 2Al + 3CuO → Al₂O₃ + 2Cu D. 4 Al + CuO → Al₂O₃ + Cu

Câu 3: “Chất biến đổi trong phản ứng là....., còn chất mới sinh ra gọi là.....”

- A. chất xúc tác – sản phẩm B. chất tham gia – chất phản ứng
 C. chất phản ứng – sản phẩm D. chất xúc tác – chất tạo thành

Câu 4: Cho các khí sau: N₂, H₂, CO, SO₂ , khí nào *nặng hơn không khí* ?

- A. Khí N₂ B. Khí H₂ C. Khí CO D. Khí SO₂

Câu 5: Muốn thu khí NH₃ vào bình thì thu bằng cách:

- A. Đặt úp ngược bình B. Đặt đứng bình C. Cách nào cũng được D. Đặt nghiêng bình

Câu 6: Cho phương trình: Cu + O₂ --> CuO. Phương trình cân bằng đúng là:

- A. 2Cu + O₂ → CuO B. 2Cu + 2O₂ → 4CuO
 C. Cu + O₂ → 2CuO D. 2Cu + O₂ → 2CuO

Câu 7: Số mol của 0,56 gam khí nitơ là:

- A. 0,01 mol B. 0,02 mol C. 0,025 mol D. 0,1 mol

Câu 8: Đun nóng đường , đường chảy lỏng .Đây là hiện tượng:

- A. vật lý B. hóa học C. sinh học D. tự nhiên

Câu 9: Trong các phương trình sau , phương trình nào cân bằng *sai* ?

- A. 2Fe + 3Cl₂ → 2FeCl₃ B. 2H₂ + O₂ → 2H₂O
 C. 2Al + 3O₂ → 2Al₂O₃ D. Zn + 2HCl → ZnCl₂ + H₂

Câu 10: 11 gam CO₂ có thể tích là:

- A. 6,5 lít B. 44 lít C. 56,6 lít D. 5,6 lít

Câu 11: Thành phần phần trăm theo khối lượng của nguyên tố S trong hợp chất SO₂ là:

- A. 40% B. 60% C. 20% D. 80%

Câu 12: Tỉ khối của khí C đối với không khí là $d_{C/KK} < 1$. Là khí nào trong các khí sau đây:

- A. O₂ B. N₂ C. CO₂ D. H₂S

Câu 13: Phát biểu nào sau đây là **đúng** ?

A. Thủy tinh nóng chảy thổi thành bình cầu là hiện tượng hóa học

B. Công thức hóa học của Fe(III) và O(II) là Fe₃O₂

C. Ở điều kiện tiêu chuẩn, 1 mol chất khí có thể tích là 22,4 lít

D. Nguyên tử cùng loại có cùng số proton và số neutron trong hạt nhân

Câu 14: Tỉ khối của khí A đối với khí nitơ (N₂) là 1,675. Vậy khối lượng mol của khí A tương đương:

- A. 45g B. 46g C. 47g D. 48g

Câu 15: Thể tích mol của chất khí là thể tích chiếm bởi N..... của khí đó. Từ thích hợp là:

- A. nguyên tử B. số mol D. khối lượng D. phân tử

Câu 16: Khí oxi nặng hơn khí hydro:

- A. 4 lần B. 16 lần D. 32 lần D. 8 lần

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1(1 điểm) Tính số mol của:

a) 142g Cl₂ ; b) 41,1 g H₂SO₄ ; c) 9.10²³ phân tử Na₂CO₃; d) 16,8 lít khí CO₂ (đktc)

Câu 2:(1,5 điểm) Cân bằng các phương trình sau:

a) $K + O_2 \rightarrow K_2O$

b) $NaOH + Fe_2(SO_4)_3 \rightarrow Fe(OH)_3 + Na_2SO_4$

c) $BaCl_2 + AgNO_3 \rightarrow AgCl + Ba(NO_3)_2$

Câu 3(1,5 điểm) Một hợp chất khí có thành phần phần trăm theo khối lượng là 82,35% N và 17,65 % H. Hãy cho biết công thức hóa học của hợp chất. Biết hợp chất này có tỉ khối với khí hydro là 8,5.

Câu 4(1 điểm) Đốt cháy 18g kim loại magie Mg trong không khí thu được 30g hợp chất magie oxit (MgO).Biết rằng Mg cháy là xảy ra phản ứng với khí oxi trong không khí.

a)Viết công thức về khối lượng của phản ứng.

b) Tính khối lượng khí oxi đã phản ứng.

Câu 5(1 điểm) Hợp chất D có thành phần là : 7 phần khối lượng nitơ kết hợp với 20 phần khối lượng oxi. Tìm công thức hóa học của hợp chất D.

ĐỀ SỐ 4

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4 điểm) *Đọc các câu sau và ghi chữ cái đứng trước vào câu trả lời đúng nhất vào bảng sau.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TL																

Câu 1: Muốn thu khí NH₃ vào bình thì thu bằng cách:

- A. Đặt úp ngược bình B. Đặt đứng bình C. Cách nào cũng được D. Đặt nghiêng bình

Câu 2: Tỉ khối của khí A đối với khí nitơ (N₂) là 1,675 .Vậy khối lượng mol của khí A tương đương:

- A. 45g B. 46g C. 47g D. 48g

Câu 3: Thành phần phần trăm theo khối lượng của nguyên tố S trong hợp chất SO₂ là:

- A. 40% B. 60% C. 20% D. 80%

Câu 4: “Chất biến đổi trong phản ứng là....., còn chất mới sinh ra gọi là.....”

- A. chất xúc tác – sản phẩm B. chất tham gia – chất phản ứng
C. chất phản ứng – sản phẩm D. chất xúc tác – chất tạo thành

Câu 5: Đun nóng đường , đường chảy lỏng .Đây là hiện tượng:

- A. vật lý B. hóa học C. sinh học D. tự nhiên

Câu 6 : Thể tích mol của chất khí là thể tích chiếm bởi N..... của khí đó. Từ thích hợp là:

- A. nguyên tử B. số mol D. khối lượng D. phân tử

Câu 7: Cho các khí sau: N₂, H₂, CO, SO₂ , khí nào *nặng hơn không khí* ?

- A. Khí N₂ B. Khí H₂ C. Khí CO D. Khí SO₂

Câu 8: Số mol của 0,56 gam khí nitơ là:

- A. 0,01 mol B. 0,02 mol C. 0,025 mol D. 0,1 mol

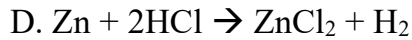
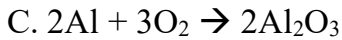
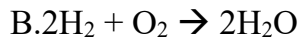
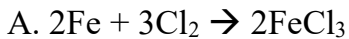
Câu 9: Cho phương trình: Cu + O₂ --> CuO. Phương trình cân bằng đúng là:

- A. 2Cu + O₂ → CuO B. 2Cu + 2O₂ → 4CuO
C. Cu + O₂ → 2CuO D. 2Cu + O₂ → 2CuO

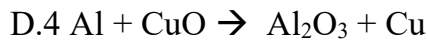
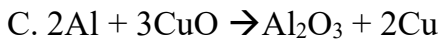
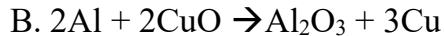
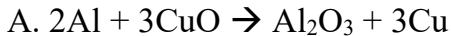
Câu 10: Phát biểu nào sau đây là **đúng** ?

- A. Thủy tinh nóng chảy thổi thành bình cầu là hiện tượng hóa học
B. Công thức hóa học của Fe(III) và O(II) là Fe₃O₂
C. Ở điều kiện tiêu chuẩn, 1 mol chất khí có thể tích là 22,4 lít
D. Nguyên tử cùng loại có cùng số proton và số neutron trong hạt nhân

Câu 11: Trong các phương trình sau , phương trình nào cân bằng **sai** ?



Câu 12: Cho sơ đồ phản ứng sau: $\text{Al} + \text{CuO} \rightarrow \text{Al}_2\text{O}_3 + \text{Cu}$. Phương trình cân bằng đúng là:



Câu 13: Tỉ khối của khí C đối với không khí là $d_{C/KK} < 1$. Là khí nào trong các khí sau đây:

A. O_2

B. N_2

C. CO_2

D. H_2S

Câu 14: 11 gam CO_2 có thể tích là:

A. 6,5 lít

B. 44 lít

C. 56,6 lít

D. 5,6 lít

Câu 15: Số mol phân tử N_2 có trong 280g Nitơ là:

A. 28 mol

B. 10 mol

C. 11 mol

D. 12 mol

Câu 16: Khí oxi nặng hơn khí hydro:

A. 4 lần

B. 16 lần

D. 32 lần

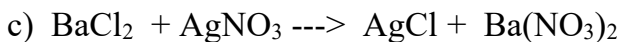
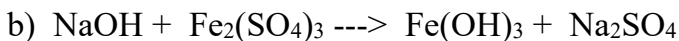
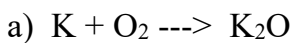
D. 8 lần

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1(1 điểm) Tính số mol của:

a) 142g Cl_2 ; b) 41,1 g H_2SO_4 ; c) $9 \cdot 10^{23}$ phân tử Na_2CO_3 ; d) 16,8 lít khí CO_2 (đktc)

Câu 2:(1,5 điểm) Cân bằng các phương trình sau:



Câu 3(1,5 điểm) Một hợp chất khí có thành phần phần trăm theo khối lượng là 82,35% N và 17,65 % H. Hãy cho biết công thức hóa học của hợp chất. Biết hợp chất này có tỉ khối với khí hydro là 8,5.

Câu 4(1 điểm) Đốt cháy 18g kim loại magie Mg trong không khí thu được 30g hợp chất magie oxit (MgO). Biết rằng Mg cháy là xảy ra phản ứng với khí oxi trong không khí.

a) Viết công thức về khối lượng của phản ứng.

b) Tính khối lượng khí oxi đã phản ứng.

Câu 5(1 điểm) Hợp chất D có thành phần là : 7 phần khối lượng nitơ kết hợp với 20 phần khối lượng oxi. Tìm công thức hóa học của hợp chất D.

(*Biết $N=14; H=1; C=12; O=16; S=32; Cl=35,5; Na=23$*)

ĐỀ SỐ 5

SỞ GD & ĐT

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I LỚP 8

TRƯỜNG THPT

MÔN: Hóa học**Năm học 2019 - 2020**

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4 điểm) *Đọc các câu sau và ghi chữ cái đứng trước vào câu trả lời đúng nhất vào bảng sau.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TL																

Câu 1: Cho các khí sau: N_2, H_2, CO, SO_2 , khí nào *nặng hơn không khí* ?

- A. Khí N_2 B. Khí H_2 C. Khí CO D. Khí SO_2

Câu 2: Số mol của 0,56 gam khí nitơ là:

- A. 0,01 mol B. 0,02 mol C. 0,025 mol D. 0,1 mol

Câu 3: Cho phương trình: $Cu + O_2 \rightarrow CuO$. Phương trình cân bằng đúng là:

- A. $2Cu + O_2 \rightarrow CuO$ B. $2Cu + 2O_2 \rightarrow 4CuO$
 C. $Cu + O_2 \rightarrow 2CuO$ D. $2Cu + O_2 \rightarrow 2CuO$

Câu 4: 11 gam CO_2 có thể tích là:

- A. 6,5 lít B. 44 lít C. 56,6 lít D. 5,6 lít

Câu 5: Số mol phân tử N_2 có trong 280g Nitơ là:

- A. 28 mol B. 10 mol C. 11 mol D. 12 mol

Câu 6: Tỉ khối của khí C đối với không khí là $d_{C/KK} < 1$. Là khí nào trong các khí sau đây:

- A. O_2 B. N_2 C. CO_2 D. H_2S

Câu 7: Khí oxi nặng hơn khí hydro:

- A. 4 lần B. 16 lần D. 32 lần D. 8 lần

Câu 8: Muốn thu khí NH_3 vào bình thì thu bằng cách:

- A. Đặt úp ngược bình B. Đặt đứng bình C. Cách nào cũng được D. Đặt nghiêng bình

Câu 9: Tỉ khối của khí A đối với khí nitơ (N_2) là 1,675. Vậy khối lượng mol của khí A tương đương:

- A. 45g B. 46g C. 47g D. 48g

Câu 10: Thành phần phần trăm theo khối lượng của nguyên tố S trong hợp chất SO_2 là:

- A. 40% B. 60% C. 20% D. 80%

Câu 11: Đun nóng đường , đường chảy lỏng .Đây là hiện tượng:

- A.vật lý B.hóa học C.sinh học D.tự nhiên

Câu 12: “Chất biến đổi trong phản ứng là....., còn chất mới sinh ra gọi là.....”

- A.chất xúc tác – sản phẩm B.chất tham gia – chất phản ứng
C.chất phản ứng – sản phẩm D.chất xúc tác – chất tạo thành

Câu 13: Thể tích mol của chất khí là thể tích chiếm bởi N..... của khí đó. Từ thích hợp là:

- A.nguyên tử B.số mol D.khối lượng D.phân tử

Câu 14: Phát biểu nào sau đây là **đúng** ?

- A.Thủy tinh nóng chảy thổi thành bình cầu là hiện tượng hóa học
B.Công thức hóa học của Fe(III) và O(II) là Fe₃O₂
C.Ở điều kiện tiêu chuẩn, 1 mol chất khí có thể tích là 22,4 lít
D. Nguyên tử cùng loại có cùng số proton và số notron trong hạt nhân

Câu 15: Trong các phương trình sau , phương trình nào cân bằng **sai** ?

- A. $2Fe + 3Cl_2 \rightarrow 2FeCl_3$ B. $2H_2 + O_2 \rightarrow 2H_2O$
C. $2Al + 3O_2 \rightarrow 2Al_2O_3$ D. $Zn + 2HCl \rightarrow ZnCl_2 + H_2$

Câu 16: Cho sơ đồ phản ứng sau: $Al + CuO \rightarrow Al_2O_3 + Cu$. Phương trình cân bằng đúng là:

- A. $2Al + 3CuO \rightarrow Al_2O_3 + 3Cu$ B. $2Al + 2CuO \rightarrow Al_2O_3 + 3Cu$
C. $2Al + 3CuO \rightarrow Al_2O_3 + 2Cu$ D. $4 Al + CuO \rightarrow Al_2O_3 + Cu$

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1(1 điểm)Tính số mol của:

- a)142g Cl₂ ; b) 41,1 g H₂SO₄ ; c) 9.10²³ phân tử Na₂CO₃; d)16,8 lít khí CO₂ (đktc)

Câu 2:(1,5 điểm)Cân bằng các phương trình sau:

- a) $K + O_2 \rightarrow K_2O$
b) $NaOH + Fe_2(SO_4)_3 \rightarrow Fe(OH)_3 + Na_2SO_4$
c) $BaCl_2 + AgNO_3 \rightarrow AgCl + Ba(NO_3)_2$

Câu 3(1,5 điểm) Một hợp chất khí có thành phần phần trăm theo khối lượng là 82,35% N và 17,65 % H Hãy cho biết công thức hóa học của hợp chất. Biết hợp chất này có tỉ khối với khí hiđro là 8,5.

Câu 4(1 điểm) Đốt cháy 18g kim loại magie Mg trong không khí thu được 30g hợp chất magie oxit (MgO).Biết rằng Mg cháy là xảy ra phản ứng với khí oxi trong không khí.

- a)Viết công thức về khối lượng của phản ứng.
b) Tính khối lượng khí oxi đã phản ứng.

Câu 5(1 điểm) Hợp chất D có thành phần là : 7 phần khối lượng nitơ kết hợp với 20 phần khối lượng oxi. Tìm công thức hóa học của hợp chất D.

ĐỀ SỐ 6

SỞ GD & ĐT

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I LỚP 8

TRƯỜNG THPT

MÔN: Hóa học**Năm học 2019 - 2020**

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4 điểm) *Đọc các câu sau và ghi chữ cái đứng trước vào câu trả lời đúng nhất vào bảng sau.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TL																

Câu 1: Thể tích mol của chất khí là thể tích chiếm bởi N..... của khí đó. Từ thích hợp là:

- A. nguyên tử B. số mol D. khối lượng D. phân tử

Câu 2: Cho các khí sau: N₂, H₂, CO, SO₂, khí nào *nặng hơn không khí* ?

- A. Khí N₂ B. Khí H₂ C. Khí CO D. Khí SO₂

Câu 3: Tỉ khối của khí C đối với không khí là $d_{C/KK} < 1$. Là khí nào trong các khí sau đây:

- A. O₂ B. N₂ C. CO₂ D. H₂S

Câu 4: 11 gam CO₂ có thể tích là:

- A. 6,5 lít B. 44 lít C. 56,6 lít D. 5,6 lít

Câu 5: Đun nóng đường, đường chảy lỏng. Đây là hiện tượng:

- A. vật lý B. hóa học C. sinh học D. tự nhiên

Câu 6: Cho sơ đồ phản ứng sau: Al + CuO --> Al₂O₃ + Cu. Phương trình cân bằng đúng là:



Câu 7: Thành phần phần trăm theo khối lượng của nguyên tố S trong hợp chất SO₂ là:

- A. 40% B. 60% C. 20% D. 80%

Câu 8: Trong các phương trình sau, phương trình nào cân bằng *sai* ?



Câu 9: Số mol của 0,56 gam khí nitơ là:

- A. 0,01 mol B. 0,02 mol C. 0,025 mol D. 0,1 mol

Câu 10: Số mol phân tử N₂ có trong 280g Nitơ là:

- A. 28 mol B. 10 mol C. 11 mol D. 12 mol

Câu 11: “Chất biến đổi trong phản ứng là....., còn chất mới sinh ra gọi là.....”

A.chất xúc tác – sản phẩm

B.chất tham gia – chất phản ứng

C.chất phản ứng – sản phẩm

D.chất xúc tác – chất tạo thành

Câu 12: Muốn thu khí NH₃ vào bình thì thu bằng cách:

A.Đặt úp ngược bình

B.Đặt đứng bình

C.Cách nào cũng được

D.Đặt nghiêng bình

Câu 13: Tỉ khối của khí A đối với khí nitơ (N₂) là 1,675 .Vậy khối lượng mol của khí A tương đương:

A. 45g

B. 46g

C.47g

D.48g

Câu 14:Khí oxi nặng hơn khí hydro:

A.4 lần

B.16 lần

D.32 lần

D.8 lần

Câu 15: Cho phương trình: Cu + O₂ --> CuO. Phương trình cân bằng đúng là:

A. 2Cu + O₂ → CuO

B. 2Cu + 2O₂ → 4CuO

C. Cu + O₂ → 2CuO

D. 2Cu + O₂ → 2CuO

Câu 16: Phát biểu nào sau đây là **đúng** ?

A.Thủy tinh nóng chảy thổi thành bình cầu là hiện tượng hóa học

B.Công thức hóa học của Fe(III) và O(II) là Fe₃O₂

C.Ở điều kiện tiêu chuẩn, 1 mol chất khí có thể tích là 22,4 lít

D. Nguyên tử cùng loại có cùng số proton và số notron trong hạt nhân

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1(1 điểm)Tính số mol của:

a)142g Cl₂ ; b) 41,1 g H₂SO₄ ; c) 9.10²³ phân tử Na₂CO₃; d)16,8 lít khí CO₂ (đktc)

Câu 2:(1,5 điểm)Cân bằng các phương trình sau:

a) K + O₂ ---> K₂O

b) NaOH + Fe₂(SO₄)₃ ---> Fe(OH)₃ + Na₂SO₄

c) BaCl₂ + AgNO₃ ---> AgCl + Ba(NO₃)₂

Câu 3(1,5 điểm) Một hợp chất khí có thành phần phần trăm theo khối lượng là 82,35% N và 17,65 %

H Hãy cho biết công thức hóa học của hợp chất. Biết hợp chất này có tỉ khối với khí hiđro là 8,5.

Câu 4(1 điểm) Đốt cháy 18g kim loại magie Mg trong không khí thu được 30g hợp chất magie oxit (MgO).Biết rằng Mg cháy là xảy ra phản ứng với khí oxi trong không khí.

a)Viết công thức về khối lượng của phản ứng.

b) Tính khối lượng khí oxi đã phản ứng.

Câu 5(1 điểm) Hợp chất D có thành phần là : 7 phần khối lượng nitơ kết hợp với 20 phần khối lượng oxi. Tìm công thức hóa học của hợp chất D.

ĐỀ SỐ 7
MA TRẬN BÀI KIỂM TRA

Cấp độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Các KN/NL cần hướng tới
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề 1: (Chương I: Chất – Nguyên tử - Phân tử)	- Nêu khái niệm nguyên tử. Cấu tạo nguyên tử. - Nêu khái niệm đơn chất, hợp chất	- Ý nghĩa công thức hóa học			- Năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học - Năng lực tính toán hóa học
Số câu: 3 Số điểm: 3 Tỉ lệ 30%	2 câu (Câu 1 và câu 2) 2 điểm	1 câu (Câu 3) 1 điểm			
Chủ đề 2: (Chương II: Phản ứng hóa học)		- Viết công thức tính dựa vào Định luật bảo toàn khối lượng - Giải thích phản ứng hóa học xảy ra	- Cân bằng phương trình hóa học - Ý nghĩa của phương trình hóa học.		- Năng lực nhận biết - Năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học - Năng lực tính toán hóa học
Số câu: 3 Số điểm: 4 Tỉ lệ 40%		1 câu (Câu 7) 1 điểm 1 câu (Câu 4) 1 điểm	1 câu (Câu 6) 2 điểm		

Chủ đề 3: (Chương III: Mol và tính toán hóa học)	- Nêu khái niệm thể tích mol của chất khí.		- Tính số mol của hợp chất - Tính khối lượng chất dựa vào số mol	- Tính khối lượng mol dựa vào tỉ khối	- Năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học - Năng lực tính toán hóa học - Năng lực nhận biết
Số câu: 2 Số điểm: 3 Tỉ lệ 30%	1 câu (Câu 5) 1 điểm		Câu 8b 1 điểm	Câu 8a 1 điểm	
Tổng số câu: 8 Tổng số điểm: 10 Tỉ lệ: 100%	3 câu 3 điểm 30%	3 câu 3 điểm 30%	1 câu 3 điểm 30%	1 câu 1 điểm 10%	

ĐỀ BÀI

I. Lí thuyết: (5 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Nêu khái niệm nguyên tử là gì? Nguyên tử có cấu tạo như thế nào?

Câu 2: (1 điểm) Nêu khái niệm đơn chất là gì? Hợp chất là gì? Cho ví dụ minh họa?

Câu 3: (1 điểm) Công thức hóa học CuSO_4 cho ta biết ý nghĩa gì?

(Biết $\text{Cu} = 64$; $\text{S} = 32$; $\text{O} = 16$)

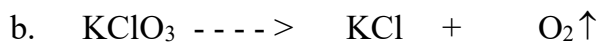
Câu 4: (1 điểm)

- a. Khi cho một mẫu vôi sống (có tên là canxi oxit) vào nước, thấy nước nóng lên, thậm chí có thể sôi lên sùng sục, mẫu vôi sống tan ra. Hỏi có phản ứng hóa học xảy ra không? Vì sao?
- b. Viết phương trình hóa học bằng chữ cho phản ứng tôi vôi, biết vôi tôi tạo thành có tên là canxi hiđroxit

Câu 5: (1 điểm) Nêu khái niệm thể tích mol của chất khí? Cho biết thể tích mol của các chất khí ở đktc?

II. Bài tập: (5 điểm)

Câu 6: (2 điểm) Cho sơ đồ của các phản ứng sau:



Hãy viết thành phương trình hóa học và cho biết tỉ lệ số nguyên tử, số phân tử của các chất trong mỗi phương trình hóa học lập được

Câu 7: (1 điểm) Để chế tạo mỗi quả pháo bông nhằm phục vụ cho các chiến sĩ biên phòng giữ gìn biên giới hải đảo ở Quần đảo Trường sa đón xuân về, người ta cho vào hết 600 gam kim loại Magie (Mg), khi pháo cháy trong khí oxi (O_2) sinh ra 1000 gam Magie oxit (MgO)

- Viết công thức về khối lượng của phản ứng?
- Tính khối lượng khí oxi (O_2) tham gia phản ứng?

Câu 8: (2 điểm) Hợp chất A có tỉ khối so với khí oxi là 2.

- Tính khối lượng mol của hợp chất?
- Hãy cho biết 5,6 lít khí A (ở đktc) có khối lượng là bao nhiêu gam?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI MÔN HÓA HỌC 8 HK I

ĐÁP ÁN	BIỂU ĐIỂM
I. Lí thuyết:	(5 điểm)
Câu 1: - Nguyên tử là hạt vô cùng nhỏ và trung hòa về điện.	0,5 điểm
- Nguyên tử gồm hạt nhân mang điện tích dương và vỏ tạo bởi một hay nhiều electron mang điện tích âm	0,5 điểm
Câu 2: - Đơn chất là những chất tạo nên từ một nguyên tố hóa học	0,25 điểm
Ví dụ: Cu; H_2	0,25 điểm
- Hợp chất là những chất tạo nên từ hai nguyên tố hóa học trở lên	0,25 điểm
Ví dụ: H_2O ; H_2SO_4	0,25 điểm
Câu 3: - Công thức hóa học CuSO_4 cho ta biết:	
- Nguyên tố Cu; S; O tạo nên chất	0,25 điểm

- Trong hợp chất có 1Cu; 1S; 4O	0,25 điểm
- Phân tử khối: $64 + 32 + 16.4 = 160(\text{đvC})$	0,5 điểm
Câu 4: a. Có xảy ra phản ứng hóa học vì miếng vôi sống tan, phản ứng tỏa nhiệt nhiều làm nước sôi.	0,5 điểm
b. Phương trình chữ: Canxi oxit + nước \rightarrow Canxi hiđroxit	0,5 điểm
Câu 5: Thể tích mol của chất khí là thể tích chiếm bởi N phân tử chất đó.	0,5 điểm
- Ở đktc, thể tích mol của các chất khí đều bằng 22,4 lít	0,5 điểm
II. Bài tập:	(5 điểm)
Câu 6:	
a. $4\text{Na} + \text{O}_2 \xrightarrow{t^0} 2\text{Na}_2\text{O}$	0,5 điểm
Có tỉ lệ: Số nguyên tử Na: Số phân tử O_2 : Số phân tử Na_2O = 4 : 1 : 2	0,5 điểm
b. $2\text{KClO}_3 \xrightarrow{t^0} 2\text{KCl} + 3\text{O}_2 \uparrow$	
Có tỉ lệ: Số phân tử KClO_3 : Số phân tử KCl : Số phân tử O_2 = 2 : 2 : 3	0,5 điểm
Câu 7:	0,5 điểm
a) Áp dụng theo ĐLBTKL, ta có công thức về khối lượng của phản ứng $m_{\text{Mg}} + m_{\text{O}_2} = m_{\text{MgO}}$	
b) Khối lượng khí oxi tham gia phản ứng: $\Rightarrow m_{\text{O}_2} = m_{\text{MgO}} - m_{\text{Mg}}$ = 1000 - 600 = 400 (gam)	0,5 điểm
Câu 8:	0,5 điểm
a) Khối lượng mol của hợp chất A là: $M_A = d_{A/\text{O}_2} \cdot M_{\text{O}_2}$ = 2 . 32 = 64 (gam)	

<p>b) Số mol của hợp chất A là:</p> $n_A = \frac{V}{22,4} = \frac{5,6}{22,4} = 0,25(\text{mol})$	1 điểm
<p>Khối lượng của 5,6 lít khí A (ở đktc) là:</p> $m_A = n \cdot M_A$ $= 0,25 \cdot 64$ $= 16 (\text{gam})$	0,5 điểm
	0,5 điểm